

Số: **262/2022/QĐST-HNGĐ**

*Quận H, ngày 17 tháng 5 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 252/2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Vũ Bích N**; sinh năm 1985; HKTT: Số 27, tổ 21 (tổ mới 11), phường T, quận H, TP. H; Hiện ở tại: Số 1615 tòa B W P, huyện V, tỉnh H.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Thượng L**; sinh năm 1980; ; HKTT và ở tại: Số 27, tổ 21 (tổ mới 11), phường T, quận H, TP. H.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Vũ Bích N và anh Nguyễn Thượng L.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Bích N và anh Nguyễn Thượng L cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Vũ Bích N và anh Nguyễn Thượng L cùng xác nhận có hai con chung là Nguyễn Thượng L, sinh ngày 07/01/2008 và Nguyễn Thượng Gia B, sinh ngày 29/11/2012. Anh chị thỏa thuận khi ly hôn anh L là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu B; chị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L kể từ khi ly hôn cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị N và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc hai con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản): Chị N và anh L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Chị N và anh L xác nhận không vay nợ chung của ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.5. Về án phí: Anh chị thỏa thuận chị N tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp theo Biên lai số 0012434 ngày 05/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**\* Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND phường T, quận H, H (số 16, quyển 01 ngày 17/01/2006 );
- VKSND quận H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÝ)**

**Lương Thị Thu H**